

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

Cases requiring explanation:

- + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

The audit firm issues an opinion other than an unqualified opinion on the financial statements (for reviewed/audited financial statements)

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document (if any)

☐ Có/Yes

☐ Không/No

- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán trong năm 2026):

Profit after tax in the reporting period differs by 5% or more between the amounts before and after audit or review, or changes from profit to loss or vice versa:

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document (if any)

☐ Có/Yes

☐ Không/No

- + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Profit after corporate income tax in the income statement changes by 10% or more compared to the same period of the previous year

☒ Có/Yes

☐ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document (if any)

☒ Có/Yes

☐ Không/No

- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở kỳ báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này và ngược lại:

Profit after tax for the reporting period is a loss, changes from profit in the same period of the previous year to loss in the current period, or vice versa:

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Explanatory document (if any)

☐ Có/Yes

☒ Không/No

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/08/2026 tại đường dẫn <https://www.haihaco.com.vn/vi/bao-cai-tai-chinh>

This information was published on the Company's website on 28 August 2026 at the following link <https://www.haihaco.com.vn/vi/bao-cai-tai-chinh>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2026:

Report on transactions with a value of 35% or more of total assets in 2026:

- Nội dung giao dịch/ *Transaction details*: Không phát sinh / None
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất: Không phát sinh
The ratio of transaction value to total assets (%) based on the most recent financial statements: None
- Ngày hoàn thành giao dịch/ *Completion date of the transaction*: Không phát sinh / Not applicable

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the above disclosed information is true and accurate and take full legal responsibility for its content.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC UQ CBTT
The authorized person for information disclosure



ĐO THỊ HỒNG THỦY



CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HÀ HÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Hà Nội, tháng 08 năm 2026



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 31

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà ("Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Hùng	Chủ tịch - Người đại diện theo Pháp luật
Ông Tăng Minh Vương	Thành viên
Bà Đỗ Thị Hồng Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phúc Lộc	Thành viên độc lập

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Công ty,



Hoàng Hùng

Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo Pháp luật

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2026

Số: 189/2026/BCSX-AVI-TC1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà ("Công ty") được lập ngày 27/08/2026, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 và bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà có trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà tại ngày 30/06/2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như đã trình bày tại thuyết minh số 34.2 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ: Trong kỳ, Công ty phát sinh các giao dịch góp vốn hợp tác kinh doanh với các đối tác có quan hệ kinh tế/giao dịch thường xuyên. Số dư phải thu các hợp đồng hợp tác của Công ty tại ngày 30/06/2026 là 497,3 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2026 là 495,5 tỷ đồng), tổng lợi nhuận phát sinh từ các hợp đồng hợp tác kinh doanh phát sinh trong kỳ là 20,97 tỷ đồng. Các giao dịch về góp vốn này được thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty. Hội đồng quản trị Công ty xác định các hợp đồng hợp tác kinh doanh này tuân thủ các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc xác định giá trị hợp lý của các giao dịch, cam kết chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện các nội dung cũng như mục đích sử dụng vốn góp của các hợp đồng hợp tác kinh doanh và có biện pháp phòng ngừa tổn thất phát sinh (nếu có). Theo đó, Hội đồng quản trị Công ty đánh giá không có bất kỳ tổn thất nào cần phải trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động hợp tác kinh doanh tại ngày 30/06/2026.
- Như đã trình bày tại thuyết minh số 1.8 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ: Hiện tại, Công ty đang trong quá trình kiện toàn bộ máy Ban Giám đốc để đảm bảo tuân thủ Điều lệ, các quy định của pháp luật về quản trị Công ty. Theo đó, trong kỳ hoạt động HĐQT đang trực tiếp tổ chức, chỉ đạo và giám sát việc triển khai hoạt động của Công ty.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.



Nguyễn Thương

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 0308-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

MẪU SỐ B01a - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		547.762.796.270	594.591.767.583
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.506.010.093	57.544.668.509
1. Tiền	111		3.506.010.093	57.544.668.509
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		395.041.144.520	303.490.674.658
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	6	395.041.144.520	303.490.674.658
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		95.265.348.983	173.555.094.111
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	96.212.257.540	175.492.157.622
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.936.049.945	935.840.493
3. Phải thu ngắn hạn khác	135		347.936.433	355.136.380
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	8	(3.231.048.925)	(3.231.048.925)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		153.990	3.008.541
IV. Hàng tồn kho	140	9	49.575.722.590	52.187.467.906
1. Hàng tồn kho	141		49.575.722.590	52.187.467.906
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		4.374.570.084	7.813.862.399
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	10	799.228.913	1.284.045.696
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		42.414.696	37.429.104
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	16	3.532.926.475	6.492.387.599
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		289.074.537.033	389.628.273.764
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		340.226.976	340.226.976
1. Phải thu dài hạn khác	215		340.226.976	340.226.976
II. Tài sản cố định	220		117.312.909.740	126.432.930.952
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	116.535.733.490	125.381.723.962
- Nguyên giá	222		420.860.705.299	420.765.805.299
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(304.324.971.809)	(295.384.081.337)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	777.176.250	1.051.206.990
- Nguyên giá	228		2.476.266.580	2.476.266.580
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.699.090.330)	(1.425.059.590)
III. Tài sản dở dang dài hạn	250		486.243.651	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		486.243.651	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	260		121.000.000.000	211.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	6	121.000.000.000	211.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	270		49.935.156.666	51.855.115.836
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	10	49.935.156.666	51.855.115.836
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		836.837.333.303	984.220.041.347

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

MẪU SỐ B01a - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		154.915.519.007	319.525.278.064
I. Nợ ngắn hạn	310		152.946.406.142	317.583.165.199
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	11.420.850.891	48.677.520.657
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	8.638.074.847	7.782.026.584
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	15	16.436.912.750	16.436.912.750
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	16	4.939.070.791	11.042.261.795
5. Phải trả người lao động	315		8.221.547.121	20.842.622.162
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	17	4.035.389.895	38.360.155.762
7. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	18	3.212.658.091	3.371.974.672
8. Phải trả ngắn hạn khác	320	19	5.717.784.612	5.191.691.744
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	20	82.607.847.118	157.249.616.067
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.716.270.026	8.628.383.006
II. Nợ dài hạn	330		1.969.112.865	1.942.112.865
1. Phải trả dài hạn khác	338	19	1.969.112.865	1.942.112.865
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	21	681.921.814.296	664.694.763.283
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		164.250.000.000	164.250.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		164.250.000.000	164.250.000.000
2. Thặng dư vốn	412		33.502.910.000	33.502.910.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.656.202.300	3.656.202.300
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		460.483.865.957	413.175.543.518
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20.028.836.039	50.110.107.465
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		2.801.785.026	2.801.785.026
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		17.227.051.013	47.308.322.439
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		836.837.333.303	984.220.041.347

Phê duyệt, ngày 27 tháng 08 năm 2026

Người lập



Trương Thị Hà Vân

Người phụ trách kế toán



Trương Thị Hà Vân

Người đại diện theo pháp luật
 Chủ tịch HĐQT




Hoàng Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

MẪU SỐ B02a - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Kỳ này	Kỳ so sánh
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	345.806.512.459	297.663.236.488
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	91.011.015.491	15.684.292.952
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		254.795.496.968	281.978.943.536
4. Giá vốn hàng bán	11	25	206.278.317.374	221.542.708.233
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		48.517.179.594	60.436.235.303
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	26	21.069.179.962	22.551.196.968
8. Chi phí tài chính	23	27	6.511.395.399	6.004.345.395
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		6.489.650.812	5.893.231.364
9. Chi phí bán hàng	25	28	21.332.875.607	42.441.828.358
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	19.531.194.973	21.817.892.910
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.210.893.577	12.723.365.608
12. Thu nhập khác	31		977.232	73.471
13. Chi phí khác	32		495.565.746	374.770.811
14. Lợi nhuận khác	40		(494.588.514)	(374.697.340)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.716.305.063	12.348.668.268
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	4.489.254.050	2.535.957.221
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.227.051.013	9.812.711.047
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.049	597

Phê duyệt, ngày 27 tháng 08 năm 2026

Người lập

Người phụ trách kế toán

Người đại diện theo pháp luật
 Chủ tịch HĐQT





Trương Thị Hà Vân

Trương Thị Hà Vân

Hoàng Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

MẪU SỐ B03a - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21.716.305.063	12.348.668.268
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	9.214.921.212	8.832.136.801
- Các khoản dự phòng	03	-	317.543.600
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04	(12.941.236)	(316.738.654)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(20.969.413.013)	(21.870.749.726)
- Chi phí đi vay	06	6.489.650.812	5.893.231.364
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.438.522.838	5.204.091.653
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	81.256.203.168	19.263.089.569
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.611.745.316	(8.205.512.533)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(85.877.770.261)	(37.521.842.693)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	2.404.775.953	(9.823.125.443)
- Chi phí đi vay đã trả	14	(6.613.728.785)	(5.853.751.547)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.543.233.520)	(11.064.131.960)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(912.112.980)	(1.381.412.296)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.764.401.729	(49.382.595.250)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(581.143.651)	(1.667.177.854)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(110.800.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	109.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.218.943.151	17.107.624.111
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	18.837.799.500	15.440.446.257
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	188.257.411.379	269.526.974.486
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(262.899.180.328)	(284.422.090.675)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(74.641.768.949)	(14.895.116.189)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(54.039.567.720)	(48.837.265.182)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	57.544.668.509	64.834.713.056
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	909.304	79.822.024
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.506.010.093	16.077.269.898

Phê duyệt, ngày 27 tháng 08 năm 2026

Người lập

Người phụ trách kế toán

Người đại diện theo pháp luật
Chủ tịch HĐQT







Trương Thị Hà Vân

Trương Thị Hà Vân

Hoàng Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101444379 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/01/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 25/08/2025.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 164.250.000.000 VND, được chia làm 16.425.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HHC.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất công nghiệp.**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm, đồ uống như bánh, kẹo, đường, sữa, cà phê, đồ uống không cồn, nước khoáng...;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Đầu tư xây dựng, cho thuê văn phòng, nhà ở, trung tâm thương mại.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty không có công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 25 - 27 đường Trương Định, phường Tương Mai, thành phố Hà Nội.

Tại ngày 30/06/2026, Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
A. Các đơn vị hạch toán chung (xác định kết quả kinh doanh cùng Văn phòng Công ty)		
1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà 1	Đường Lạc Long Quân, Phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ.	
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà 2	Số 3 đường Thanh Bình, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình.	
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà - Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà	Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh - Số 3, đường 8, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.	
B. Các đơn vị có tổ chức hạch toán kế toán (có xác định kết quả kinh doanh của đơn vị)		
1. Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	202 Lý Chính Thắng, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh.	Hỗ trợ tổng thầu phân phối sản phẩm của Công ty.
2. Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà	Số 134 đường Phan Thanh, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.	Phân phối sản phẩm và hỗ trợ tổng thầu phân phối sản phẩm của Công ty.

1.6. Số lượng lao động của Công ty: Tại ngày 30/06/2026 là 535 người (tại ngày 01/01/2026 là 975 người).

1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: Thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được.

1.8. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Ngày 15/05/2026, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty đã thông qua chủ trương tái cấu trúc hệ thống nhà máy theo hướng tinh gọn, tập trung, phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của Công ty, đầu tư hiện đại hóa hoạt động sản xuất của Công ty và giao cho Hội đồng quản trị Công ty tổ chức, triển khai theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Ngày 09/07/2026, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 80/2026/HHC/NQ-HĐQT về việc thông qua chủ trương triển khai Dự án di dời và sáp nhập Nhà máy Hải Hà Nam Định và Nhà máy Hải Hà Việt Trì về Nhà máy Hải Hà VSIP Bắc Ninh với quy mô đầu tư khoảng 226,45 tỷ đồng.

Hiện tại, Công ty đang thực hiện kiện toàn bộ máy Ban Giám đốc. Theo đó, trong kỳ hoạt động HĐQT trực tiếp tổ chức, chỉ đạo và giám sát việc triển khai hoạt động của Công ty theo thẩm quyền. Chủ tịch HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. HĐQT Công ty cam kết kiện toàn Ban Giám đốc trong thời gian tới để đảm bảo thủ Điều lệ, quy định của pháp luật về quản trị Công ty.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN, ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Chuyển đổi ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong kỳ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, giấy tờ có giá (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh, không bao gồm các khoản đã được trình bày trong các chỉ tiêu "Các khoản tương đương tiền".

Lãi tiền gửi phát sinh sau ngày mua các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi theo Thuyết minh số 4.7.

4.6. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

BCC là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát hoặc không được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn hoặc được kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia hợp đồng.

BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế theo kết quả của hoạt động BCC hoặc chia lợi ích cố định không phụ thuộc vào kết quả hoạt động của BCC.

Đối với trường hợp Công ty là bên không có quyền đồng kiểm soát BCC:

- Trường hợp các bên tham gia được hưởng lợi ích phụ thuộc vào kết quả kinh doanh: Các khoản vốn góp vào hợp đồng BCC và các khoản lợi ích mà Công ty nhận được từ hợp đồng BCC được thực hiện như khoản đầu tư vào đơn vị khác.
- Trường hợp các bên tham gia được hưởng lợi ích cố định: Đối với các bên tham gia BCC ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoặc lãi cho vay vốn đối với khoản được chia từ BCC. Nếu bản chất là thuê tài sản (góp vốn vào BCC bằng tài sản phi tiền tệ) thì Công ty kế toán như giao dịch cho thuê tài sản; nếu bản chất là giao dịch cho vay (góp vốn vào BCC bằng tiền) thì Công ty kế toán như giao dịch cho vay.

4.7. Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.3.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị các khoản phải thu mà Công ty đánh giá không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng và xác định số lượng và tính giá trị hàng xuất kho theo từng lần phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.9. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản phù hợp với quy định hiện hành. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 07

4.10. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

4.11. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được ghi nhận theo thực tế phát sinh. Các khoản chi phí chờ phân bổ này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên thời gian tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh trong từng kỳ kế toán theo quy định hiện hành.

Công ty căn cứ vào thời gian phân bổ của từng loại chi phí để phân loại ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

4.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.3.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.13. Phải trả về cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận là khoản phải trả cổ tức cho các tổ chức, cá nhân đầu tư vốn vào Công ty.

Thời điểm ghi nhận khoản phải trả cổ tức, lợi nhuận là thời điểm Công ty không có quyền từ chối chi trả cổ tức được căn cứ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Khoản phải trả cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận ngay khi được Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua.

4.14. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm khoản nợ còn phải trả do đã nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa có hóa đơn hoặc các khoản chi phí của kỳ báo cáo chưa có đủ hồ sơ, tài liệu nhưng chắc chắn sẽ phát sinh cần phải được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh.

4.15. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty là khoản đi vay từ các ngân hàng thương mại và cá nhân.

Các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng hợp đồng vay, từng kế ước vay, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản vay có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là "Vay và nợ thuê tài chính dài hạn". Các khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là "Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn".

4.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

4.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh vốn góp thực tế của cổ đông, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ và lợi nhuận sau thuế được trích lập và phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc tạm trích theo Điều lệ Công ty và được trích lập bổ sung/điều chỉnh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4.18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, lãi từ các khoản đầu tư, lãi chênh lệch tỷ giá...

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- Chiết khấu thương mại phản ánh khoản giảm giá niêm yết cho người mua với khối lượng lớn nhưng chưa được phản ánh trên hóa đơn khi bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- Hàng bán bị trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, cận hạn sử dụng, không đúng chủng loại, quy cách.

4.20. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng hợp đồng có rủi ro lớn liên quan đến bán hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.21. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế do không chắc chắn về lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HÀI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***4.22. Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là tổ chức hoặc cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 33.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	13.801.495	35.498.895
Tiền gửi không kỳ hạn	3.492.208.598	57.509.169.614
- Tiền gửi không kỳ hạn tại Sacombank	32.418.060	52.786.833.046
- Tiền gửi không kỳ hạn tại BIDV	758.216.978	653.742.319
- Tiền gửi không kỳ hạn tại Vietcombank	1.189.735.997	3.169.714.251
- Tiền gửi không kỳ hạn tại MBBank	1.318.048.887	424.946.879
- Tiền gửi không kỳ hạn tại các ngân hàng khác	193.788.676	473.933.119
Cộng	3.506.010.093	57.544.668.509

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HÀI HÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản góp vốn đầu tư hợp tác kinh doanh (BCC) hưởng lợi ích cố định, được trình bày như khoản cho vay theo nguyên tắc kế toán tại thuyết minh số 4.6 chi tiết như sau:

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	395.041.144.520	395.041.144.520	-	303.490.674.658	303.490.674.658	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	203.167.315.068	203.167.315.068	-	195.000.000.000	195.000.000.000	-
- Số tiền góp vốn	195.000.000.000	195.000.000.000	-	195.000.000.000	195.000.000.000	-
- Lãi hợp tác đầu tư	8.167.315.068	8.167.315.068	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị	95.114.347.260	95.114.347.260	-	98.030.085.616	98.030.085.616	-
- Số tiền góp vốn	89.500.000.000	89.500.000.000	-	89.500.000.000	89.500.000.000	-
- Lãi hợp tác đầu tư	5.614.347.260	5.614.347.260	-	8.530.085.616	8.530.085.616	-
Công ty Cổ phần Phương Mai	96.759.482.192	96.759.482.192	-	4.613.054.795	4.613.054.795	-
- Số tiền góp vốn	91.800.000.000	91.800.000.000	-	-	-	-
- Lãi hợp tác đầu tư	4.959.482.192	4.959.482.192	-	4.613.054.795	4.613.054.795	-
Công ty TNHH Amber Finance	-	-	-	5.847.534.247	5.847.534.247	-
- Lãi hợp tác đầu tư	-	-	-	5.847.534.247	5.847.534.247	-
Dài hạn	121.000.000.000	121.000.000.000	-	211.000.000.000	211.000.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	50.000.000.000	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-
Công ty TNHH Amber Finance	-	-	-	90.000.000.000	90.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phương Mai	71.000.000.000	71.000.000.000	-	71.000.000.000	71.000.000.000	-
Cộng	516.041.144.520	516.041.144.520	-	514.490.674.658	514.490.674.658	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản góp vốn đầu tư hợp tác kinh doanh (BCC) này được trình bày tại thuyết minh số 34.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B09a - DN

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần ACI Việt Nam (*)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	69.976.344.859	-	84.062.027.419	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Hải Hà	-	-	60.770.879.435	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	5.608.554.724	-	5.460.106.989	-
Các khách hàng khác	10.627.357.957	(2.913.505.325)	15.199.143.779	(2.913.505.325)
Cộng	96.212.257.540	(2.913.505.325)	175.492.157.622	(2.913.505.325)
Trong đó, Phải thu của khách hàng là bên liên quan	-	-	497.177.715	-
<i>Chi tiết tại thuyết minh số 33</i>				

(*) Khoản phải thu Công ty Cổ phần ACI Việt Nam "ACI" tương ứng với thuê phần GTGT Công ty đã xuất hóa đơn cho ACI theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 09/HHC-ACI VietNam - Đông Á ngày 17/03/2016 về Dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp văn phòng làm việc, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ thương mại và nhà ở tại số 25-27 đường Trương Định. Điều khoản thanh toán theo thỏa thuận là Công ty Cổ phần ACI Việt Nam sẽ thanh toán cho Công ty khi dự án triển khai được triển khai. Đến thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa đi vào triển khai.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGÁN HẠN KHÓ ĐÒI

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu kỳ	(3.231.048.925)	(1.270.933.405)
Trích lập dự phòng	-	(317.543.600)
Số dư cuối kỳ	<u>(3.231.048.925)</u>	<u>(1.588.477.005)</u>

Chi tiết các khoản dự phòng phải thu khó đòi

<u>30/06/2026</u>				<u>01/01/2026</u>			
<u>Thời gian</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Thời gian</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có</u>	<u>Dự phòng</u>
<u>quá hạn</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>quá hạn</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu của khách hàng	2.913.505.325	-	(2.913.505.325)		2.913.505.325	-	(2.913.505.325)
Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội > 3 năm	803.014.780	-	(803.014.780)	> 3 năm	803.014.780	-	(803.014.780)
Chiccoco life, Inc > 3 năm	360.160.036	-	(360.160.036)	> 3 năm	360.160.036	-	(360.160.036)
Khách hàng khác	1.750.330.509	-	(1.750.330.509)		1.750.330.509	-	(1.750.330.509)
Trả trước cho người bán	317.543.600	-	(317.543.600)		317.543.600	-	(317.543.600)
Công ty TNHH Tư vấn AFA Research & Education > 3 năm	264.000.000	-	(264.000.000)	> 3 năm	264.000.000	-	(264.000.000)
Nhà cung cấp khác > 3 năm	53.543.600	-	(53.543.600)		53.543.600	-	(53.543.600)
Cộng	3.231.048.925	-	(3.231.048.925)		3.231.048.925	-	(3.231.048.925)

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***9. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	1.250.684.270	-
Nguyên liệu, vật liệu	39.300.512.767	-	41.503.670.489	-
Công cụ, dụng cụ	146.056.280	-	88.798.259	-
Sản phẩm	9.800.052.859	-	9.252.736.495	-
Hàng hoá	329.100.684	-	91.578.393	-
Cộng	49.575.722.590	-	52.187.467.906	-

10. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	799.228.913	1.284.045.696
Chi phí bảo hiểm	124.577.614	311.444.044
Công cụ dụng cụ	312.160.488	662.484.889
Các khoản chi phí trả trước khác	362.490.811	310.116.763
Dài hạn	49.935.156.666	51.855.115.836
Chi phí thuê đất tại KCN VSIP Bắc Ninh	38.299.647.487	38.930.011.057
Chi phí thuê đất tại KCN Tân Tạo (Tp. Hồ Chí Minh)	1.938.238.602	1.978.863.072
Chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ	9.697.270.577	10.877.841.797
Các khoản chi phí trả trước khác	-	68.399.910
Cộng	50.734.385.579	53.139.161.532

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2026	2.476.266.580	2.476.266.580
Tại ngày 30/06/2026	2.476.266.580	2.476.266.580
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2026	1.425.059.590	1.425.059.590
Khấu hao trong kỳ	274.030.740	274.030.740
Tại ngày 30/06/2026	1.699.090.330	1.699.090.330
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2026	1.051.206.990	1.051.206.990
Tại ngày 30/06/2026	777.176.250	777.176.250
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng</i>	1.460.741.580	1.460.741.580

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2026	153.774.308.578	242.864.451.188	22.413.392.873	1.713.652.660	420.765.805.299
Mua sắm trong kỳ	-	94.900.000	-	-	94.900.000
Tại ngày 30/06/2026	153.774.308.578	242.959.351.188	22.413.392.873	1.713.652.660	420.860.705.299
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2026	87.651.682.825	188.686.261.413	18.187.097.944	859.039.155	295.384.081.337
Khấu hao trong kỳ	2.453.578.827	5.646.860.884	575.906.641	264.544.120	8.940.890.472
Tại ngày 30/06/2026	90.105.261.652	194.333.122.297	18.763.004.585	1.123.583.275	304.324.971.809
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2026	66.122.625.753	54.178.189.775	4.226.294.929	854.613.505	125.381.723.962
Tại ngày 30/06/2026	63.669.046.926	48.626.228.891	3.650.388.288	590.069.385	116.535.733.490
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	48.009.652.325	109.378.650.714	12.818.208.901	97.416.364	170.303.928.304

Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty đang được sử dụng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại (chi tiết xem tại Thuyết minh số 20).

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>30/06/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	4.540.387.195	39.073.285.990
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	2.113.440.677	2.098.696.323
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP	955.956.546	-
Các nhà cung cấp khác	3.811.066.473	7.505.538.344
Cộng	<u>11.420.850.891</u>	<u>48.677.520.657</u>
Trong đó, phải trả người bán là bên liên quan	-	259.534.500
Chi tiết tại thuyết minh số 33		

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>30/06/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Universal Cosmetics Co.,LTD	-	1.557.523.771
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Mạnh Hà	-	906.290.128
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Hải Hà	5.124.068.265	-
Các khách hàng khác	3.514.006.582	5.318.212.685
Cộng	<u>8.638.074.847</u>	<u>7.782.026.584</u>

15. PHẢI TRẢ CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	<u>30/06/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2020 (*)	16.425.000.000	16.425.000.000
Phải trả về cổ tức khác	11.912.750	11.912.750
Cộng	<u>16.436.912.750</u>	<u>16.436.912.750</u>

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 139/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2020 là 10% tương ứng với số tiền là 16.425.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2026
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	3.538.296.060	3.733.571.484	6.714.505.502	557.362.042
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.385.837.277	4.489.254.050	7.543.233.520	4.331.857.807
Thuế thu nhập cá nhân	115.928.498	405.684.613	473.962.129	47.650.982
Các loại thuế, phí, lệ phí khác	2.199.960	1.095.300	1.095.300	2.199.960
Cộng	11.042.261.795	8.629.605.447	14.732.796.451	4.939.070.791
Phải thu Nhà nước				
Thuế xuất, nhập khẩu	7.560.322	-	-	7.560.322
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	6.484.827.277	3.556.409.670	596.948.546	3.525.366.153
Cộng	6.492.387.599	3.556.409.670	596.948.546	3.532.926.475

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	375.565.103	499.643.076
Trích trước chi phí vận chuyển	24.902.040	599.881.198
Trích trước chi phí bán hàng	2.500.316.044	5.442.955.836
Trích trước chiết khấu thương mại	47.638.722	30.276.902.818
Các khoản trích trước khác	1.086.967.986	1.540.772.834
Cộng	4.035.389.895	38.360.155.762

18. DOANH THU CHỜ PHÂN BỐ NGẮN HẠN

Doanh thu chờ phân bổ tại ngày 30/06/2026 của Công ty bao gồm 2.799.677.200 đồng doanh thu chờ phân bổ tương ứng với số tiền của khách hàng đã trả trước cho các kỳ thuê tài sản và 412.980.891 đồng giá trị hàng hóa khuyến mại Công ty ước tính còn phải trả cho khách hàng theo các chương trình bán hàng.

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	5.717.784.612	5.191.691.744
Kinh phí công đoàn	5.502.201.449	4.905.448.507
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	106.000.000	106.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	109.583.163	180.243.237
Dài hạn	1.969.112.865	1.942.112.865
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.969.112.865	1.942.112.865
Cộng	7.686.897.477	7.133.804.609

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃ SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGÁN HẠN**

	01/01/2026	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2026
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thăng Long (1)	157.247.616.067	168.257.411.379	262.899.180.328	62.605.847.118
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội (2)	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Vay cá nhân	2.000.000	-	-	2.000.000
Cộng	157.249.616.067	188.257.411.379	262.899.180.328	82.607.847.118

Thông tin về các hợp đồng vay của Công ty như sau:

Ngân hàng	Hợp đồng vay	Hạn mức	Mục đích vay	Thời hạn	Tài sản đảm bảo
(1) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thăng Long	Số 2020225055597/2024 ngày 20/11/2024. Thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 23/09/2025	300 tỷ VND	Bổ sung vốn lưu động	Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 23/09/2026; Thời hạn vay tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân.	- Quyền sử dụng đất và các công trình xây dựng gắn liền với đất của Công ty tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh tại phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. - Quyền tài sản và các công trình xây dựng, các khoản lợi thu từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất của Công ty tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh tại phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
(2) Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội	Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CLC-81331-01 ngày 22/04/2026	250 tỷ VND	Bổ sung vốn lưu động, phát hành thư bảo lãnh, mở LC	Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 22/04/2027; Thời hạn vay tối đa 6 tháng kể từ ngày giải ngân.	Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Tuy nhiên mỗi lần đề nghị cấp bảo lãnh/ phát hành L/C Công ty sẽ ký quỹ 1 khoản tiền theo yêu cầu của VPBank.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HÀI HÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2025	164.250.000.000	33.502.910.000	3.656.202.300	392.785.590.599	47.053.441.726	641.248.144.625
Lãi trong năm	-	-	-	-	47.308.322.439	47.308.322.439
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	44.251.656.700	(44.251.656.700)	-
Giảm khác	-	-	-	(23.861.703.781)	-	(23.861.703.781)
Tại ngày 01/01/2026	164.250.000.000	33.502.910.000	3.656.202.300	413.175.543.518	50.110.107.465	664.694.763.283
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	17.227.051.013	17.227.051.013
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	47.308.322.439	(47.308.322.439)	-
Tại ngày 30/06/2026	164.250.000.000	33.502.910.000	3.656.202.300	460.483.865.957	20.028.836.039	681.921.814.296

(*) Công ty trích Quỹ đầu tư phát triển số tiền 47.308.322.439 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ-HHC ngày 15/05/2026.

Chi tiết cổ đông lớn của Công ty:

	30/06/2026		01/01/2026	
	Cổ phiếu	Tỉ lệ	Cổ phiếu	Tỉ lệ
Ông Lưu Văn Vũ	3.942.000	24,00%	3.942.000	24,00%
Bà Trương Thị Bửu	3.942.000	24,00%	3.942.000	24,00%
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	3.000.000	18,26%	3.000.000	18,26%
Các cổ đông khác	5.541.000	33,74%	5.541.000	33,74%
Cộng	16.425.000	100,00%	16.425.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ so sánh</u> <u>VND</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	164.250.000.000	164.250.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	164.250.000.000	164.250.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	<u>30/06/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.425.000	16.425.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.425.000	16.425.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.425.000	16.425.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.425.000	16.425.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.425.000	16.425.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phiếu

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**Ngoại tệ các loại**

	<u>30/06/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
- Đô la Mỹ (USD)	85.370,42	111.597,82

Tài sản sử dụng để cầm cố, thế chấp

Quyền sử dụng đất và các công trình xây dựng gắn liền với đất tại xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay là phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM979940 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 12/04/2019 thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng thế chấp số LD1810900132-HĐTC/2019 ngày 28/08/2019 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung đính kèm

Quyền tài sản và các công trình xây dựng, các khoản lợi thu từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất của Công ty tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, phường Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng thế chấp số LD1810900132-HĐTC/2019a ngày 28/08/2019 và các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung đính kèm.

Công nợ tạm ứng đã xử lý

	<u>30/06/2026</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2026</u> <u>VND</u>
Tạm ứng	23.861.703.781	23.861.703.781
Cộng	23.861.703.781	23.861.703.781

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán sản phẩm	332.249.954.835	286.605.428.892
Doanh thu bán hàng hóa	3.998.880.100	1.702.134.671
Doanh thu cung cấp dịch vụ, khác	9.557.677.524	9.355.672.925
Cộng	345.806.512.459	297.663.236.488

24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chiết khấu thương mại	80.091.175.212	13.546.011.983
Hàng bán bị trả lại	10.919.840.279	2.138.280.969
Cộng	91.011.015.491	15.684.292.952

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn sản phẩm đã bán	204.164.476.046	220.208.749.746
Giá vốn hàng hóa đã bán	2.113.841.328	1.333.958.487
Cộng	206.278.317.374	221.542.708.233

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	5.419.962	532.480.548
Lãi từ các hợp đồng hợp tác đầu tư	20.969.413.013	21.338.269.178
Lãi chênh lệch tỷ giá	94.346.987	680.447.242
Cộng	21.069.179.962	22.551.196.968

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	6.489.650.812	5.893.231.364
Lỗ chênh lệch tỷ giá	21.744.587	111.114.031
Cộng	6.511.395.399	6.004.345.395

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Chi phí nhân viên	14.403.303.267	28.708.941.618
Chi phí vật liệu, bao bì	840.243.824	463.830.632
Chi phí khấu hao tài sản cố định	542.186.268	303.393.530
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.917.096.740	12.315.224.708
Chi phí khác	630.045.508	650.437.870
Cộng	21.332.875.607	42.441.828.358

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Chi phí nhân viên	6.739.778.834	5.858.521.833
Chi phí vật liệu quản lý	334.476.938	489.764.310
Chi phí khấu hao tài sản cố định	565.627.944	476.592.386
Thuế, phí và lệ phí	3.556.409.670	3.396.637.564
Dự phòng phải thu khó đòi	-	317.543.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.004.901.587	11.274.328.293
Chi phí khác	330.000.000	4.504.924
Cộng	19.531.194.973	21.817.892.910

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	21.716.305.063	12.348.668.268
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	729.965.188	331.117.840
Thu nhập chịu thuế	22.446.270.251	12.679.786.108
- Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.489.254.050	2.535.957.221

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	17.227.051.013	9.812.711.047
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	17.227.051.013	9.812.711.047
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.227.051.013	9.812.711.047
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.425.000	16.425.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.049	597

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	159.110.131.260	197.022.415.883
Chi phí nhân viên	51.473.334.668	64.210.186.360
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.214.921.212	8.832.136.801
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.583.984.789	32.897.646.754
Chi phí khác	6.386.428.372	4.051.580.358
Dự phòng phải thu khó đòi	-	317.543.600
Cộng	247.768.800.301	307.331.509.756

33. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Công ty

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Tam Ba	Liên quan tới cổ đông lớn của Công ty (bà Trương Thị Bửu)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà	Bà Đỗ Thị Hồng Thủy là thành viên HĐQT, Ông Hoàng Hùng là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty này.

Số dư với các bên liên quan

	<u>30/06/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu của khách hàng	-	497.177.715
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Tam Ba	-	419.785.008
Công ty CP Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà	-	77.392.707
Phải trả người bán	-	259.534.500
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ Tam Ba	-	259.534.500

Giao dịch với bên liên quan: Trong kỳ Công ty không phát sinh giao dịch với bên liên quan.

Thu nhập, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ông Hoàng Hùng	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	-
Ông Tăng Minh Vương	Thành viên HĐQT	60.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Phúc Lộc	Thành viên HĐQT	89.000.000	-
Bà Đỗ Thị Hồng Thủy	Thành viên HĐQT	139.166.666	-
Bà Nam Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm)	-	379.107.487
Cộng		348.166.666	379.107.487

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

34. THÔNG TIN KHÁC**34.1. Thù lao của Ban kiểm soát Công ty đã chi trả trong kỳ:**

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
Bà Nguyễn Ngô Thị Trúc My	Trưởng Ban kiểm soát	30.000.000	-
Bà Đoàn Thị Thu Linh	Trưởng Ban kiểm soát (Đã miễn nhiệm)	-	53.766.000
Ông Đinh Nho Liêm	Thành viên BKS	30.000.000	-
Bà Đinh Thị Thanh Tâm	Thành viên BKS	30.000.000	-
Cộng		90.000.000	53.766.000

34.2. Thông tin bổ sung khác

Công ty thực hiện góp vốn hợp tác kinh doanh với một số đối tác có quan hệ kinh tế/giao dịch thường xuyên nhằm tối đa hóa việc sử dụng vốn lưu động của Công ty. Các giao dịch về góp vốn hợp tác kinh doanh này được thực hiện theo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị Công ty xác định các hợp đồng hợp tác kinh doanh này tuân thủ các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc xác định giá trị hợp lý của các giao dịch, cam kết chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện các nội dung cũng như mục đích sử dụng vốn góp của các hợp đồng hợp tác kinh doanh và có biện pháp phòng ngừa tổn thất phát sinh (nếu có). Theo đó, Hội đồng quản trị Công ty đánh giá không có bất kỳ tổn thất nào cần phải trích lập dự phòng liên quan đến hoạt động hợp tác kinh doanh tại ngày 30/06/2026. Chi tiết các giao dịch như sau:

Đối tác	Số dư tại 01/01/2026 VND	Vốn góp trong kỳ VND	Thu hồi vốn góp trong kỳ VND	Số dư tại 30/06/2026 VND
Góp vốn thực hiện các hợp đồng hợp tác kinh doanh				
Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại MESA (1)	245.000.000.000	19.000.000.000	19.000.000.000	245.000.000.000
Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị (2)	89.500.000.000	-	-	89.500.000.000
Công ty Cổ phần Phương Mai (3)	71.000.000.000	91.800.000.000	-	162.800.000.000
Công ty TNHH Amber Finance	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-
Cộng	495.500.000.000	110.800.000.000	109.000.000.000	497.300.000.000

Đối tác	Số dư tại 01/01/2026 VND	Lợi nhuận ghi nhận trong kỳ VND	Lợi nhuận đã thu trong kỳ VND	Số dư tại 30/06/2026 VND
Lợi nhuận từ các hợp đồng hợp tác				
Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại MESA (1)	-	8.530.241.095	362.926.027	8.167.315.068
Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị (2)	8.530.085.616	5.614.347.260	8.530.085.616	5.614.347.260
Công ty Cổ phần Phương Mai (3)	4.613.054.795	4.959.482.192	4.613.054.795	4.959.482.192
Công ty TNHH Amber Finance	5.847.534.247	1.865.342.466	7.712.876.713	-
Cộng	18.990.674.658	20.969.413.013	21.218.943.151	18.741.144.520

- (1) Là khoản góp vốn hợp tác với Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh trong lĩnh vực phân phối hàng tiêu dùng, phát triển chuỗi nhà hàng. Lợi nhuận chia cho Hải Hà được quy định trong từng hợp đồng dựa trên số tiền Hải Hà đã góp vốn.
- (2) Là khoản góp vốn hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Quang Anh Quảng Trị để cùng khai thác kinh doanh Dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá tại xã Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị theo hợp đồng số 1303/2023/HĐHTĐT/QAQT-HHC ngày 13/03/2023 và các phụ lục kèm theo. Lợi nhuận từ việc hợp tác là 12,65%/năm trên số tiền Công ty đã góp vốn.
- (3) Là khoản góp vốn hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Phương Mai để đầu tư "Khu du lịch Dốc Lết - Phương Mai" tại phường Đồng Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 2803/2025/HĐHTĐT/HAIHA-PM ngày 28/03/2025 và các phụ lục kèm theo. Công ty được hưởng lợi tức 8,5% trên số vốn đã góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Trong kỳ, Công ty phát sinh các giao dịch với Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại MESA như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ so sánh VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	147.343.735.134	166.511.345.700
- Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	221.104.739.750	30.520.847.692
- Chiết khấu thương mại	80.037.782.520	8.780.567.125

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm, đồ uống, các hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong hoạt động của Công ty. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

36. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán chuyển sang. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 đã được soát xét.

Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 01/01/2026 được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của kỳ này theo hướng dẫn tại Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025, chi tiết như sau:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	Mã số	01/01/2026 trước điều chỉnh	01/01/2026 sau điều chỉnh	Chênh lệch
		VND	VND	VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-	303.490.674.658	303.490.674.658
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	-	303.490.674.658	303.490.674.658
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	477.045.768.769	173.555.094.111	(303.490.674.658)
Phải thu ngắn hạn khác	135	303.845.811.038	355.136.380	(303.490.674.658)
Các khoản phải thu dài hạn	210	211.340.226.976	340.226.976	(211.000.000.000)
Phải thu dài hạn khác	215	211.340.226.976	340.226.976	(211.000.000.000)
Đầu tư tài chính dài hạn	260	-	211.000.000.000	211.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	-	211.000.000.000	211.000.000.000
Nợ ngắn hạn	310	317.583.165.199	317.583.165.199	-
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	16.436.912.750	16.436.912.750
Phải trả ngắn hạn khác	320	21.628.604.494	5.191.691.744	(16.436.912.750)

Phê duyệt, ngày 27 tháng 08 năm 2026

Người lập

Người phụ trách kế toán

Người đại diện theo pháp luật
Chủ tịch HĐQT

Trương Thị Hà Vân

Trương Thị Hà Vân

Hoàng Hùng